

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 06 – 7 – 2021

V/v: *Kiện xin ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phúc Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Văn

Bà Đặng Thị Thu

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

Trong ngày 06 tháng 7 năm 2021, tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 116/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2021 về kiện xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2021/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Chính A, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số X đường N, Tổ dân phố Y, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị Trương Nguyễn Thùy D, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Tổ dân phố Y, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; Địa chỉ cần báo: Số G đường T, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Về quan hệ hôn nhân:*

* Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 28/4/2021, được bổ sung tại bản tự khai và tại đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn anh Trần Chính A trình bày: Anh và chị Trương Nguyễn Thùy D có đăng ký kết hôn vào ngày 22/7/2016 tại UBND phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, thường xuyên xảy ra những mâu thuẫn, tranh cãi không thể giải quyết và hàn gắn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính

tình khác biệt, bất đồng quan điểm sống, không thể có tiếng nói chung. Mặc dù vợ chồng và gia đình hai bên đã cố gắng hòa giải nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, kéo dài từ đầu năm 2019 cho đến nay. Nay anh A thấy mâu thuẫn không hòa giải được, vợ chồng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên mong muốn được Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị D.

- *Về nuôi con chung*: Anh Chính A trình bày, quá trình chung sống anh và chị D có 02 con chung là cháu Trần Phúc V, sinh ngày 23/8/2017 và cháu Trần Nam P, sinh ngày 28/10/2019. Hiện nay cháu V và cháu P đang sinh sống cùng với chị D; nguyện vọng của anh A sau khi ly hôn là giao cả 02 con chung cho chị D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng vì hiện nay các cháu đang còn nhỏ, cần sự chăm sóc, yêu thương của người mẹ. Chị D không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh A trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 26/5/2021, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bị đơn chị Trương Nguyễn Thùy D trình bày:

Chị và anh Trần Chính A tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào ngày 22/7/2016 tại UBND phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Quá trình chung sống sau khi kết hôn thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn do anh A vướng vào cờ bạc, cá độ bóng đá. Bản thân chị D và gia đình đã nhiều lần khuyên can nhưng không có kết quả nên chị D đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay. Vợ chồng bỏ mặc, không còn quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn nên nay anh A làm đơn xin ly hôn, chị D cũng đồng ý ly hôn.

- *Về nuôi con chung*: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Phúc V, sinh ngày 23/8/2017 và cháu Trần Nam P, sinh ngày 28/10/2019. Hiện nay cháu V và cháu P đang sinh sống cùng với chị, các cháu đang còn nhỏ, cần sự chăm sóc, yêu thương của người mẹ nên nguyện vọng của chị là được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả 02 con. Chị D không yêu cầu anh A cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị D trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý, Tòa án đã gửi thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp về tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự. Anh A và chị D đã đến Tòa án để làm bản tự khai. Tuy nhiên, sau khi nhận được thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, anh A đã làm ơn gửi Tòa án trình bày về việc hiện nay anh A đang thực hiện cách ly dịch bệnh Covid-19 nên không thể có mặt tại phiên họp theo thông báo của Tòa án đồng thời đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh A. Do đó, Tòa án tiến hành phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được. Vụ án thuộc trường hợp hòa giải không thành nên Tòa án

đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, tiến hành tổng đạt cho các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Anh Trần Chính A có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự là nơi bị đơn chị Trương Nguyễn Thùy D có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Tổ dân phố Y, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

[1.2] Về sự vắng mặt của nguyên đơn: Quá trình giải quyết vụ án, anh A đã đến Tòa án để làm bản tự khai. Sau khi Tòa án tổng đạt thông báo phiên họp về tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, do hiện đang thực hiện cách ly dịch bệnh Covid-19 nên không thể có mặt để tham gia phiên họp theo đúng thời gian mà Tòa án đã triệu tập. Anh A đã làm đơn trình bày sự việc và xin xét xử vắng mặt, có xác nhận của chính quyền địa phương UBND phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Do đó, căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn anh Trần Chính A.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Chính A và chị Trương Nguyễn Thùy D đã xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 22/7/2016 tại UBND phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 69, nên đây là một cuộc hôn nhân hợp pháp có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Sau khi kết hôn anh chị chung sống không có hạnh phúc mà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do anh A ham chơi, tham gia vào việc đánh bạc, cá độ bóng đá và sự khác biệt về tính cách, bất đồng quan điểm trong đời sống vợ chồng. Sau nhiều lần khuyên can nhưng không có kết quả, mâu thuẫn của vợ chồng càng ngày càng trầm trọng thì đầu năm 2019, chị D đưa các con về nhà bố mẹ để sinh sống, vợ chồng bắt đầu sống ly thân từ đó cho đến nay, bỏ mặc, không có trách nhiệm gì với nhau. Điều này chứng tỏ rằng mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng không thể khắc phục, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể sống chung hạnh phúc, anh A làm đơn xin ly hôn, chị D cũng nhất trí ly hôn nên Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn của anh A và chị D.

[2.2] Về nuôi con chung: Anh A và chị D đều thống nhất trình bày: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Phúc V, sinh ngày 23/8/2017 và cháu Trần Nam P, sinh ngày 28/10/2019. Chị D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi 02 con, không yêu cầu anh A đóng góp tiền nuôi con. Tại đơn trình bày và xin xét xử vắng mặt, anh A đồng ý giao cho chị D trực tiếp nuôi 02 con. Xét thấy sự thỏa thuận của anh chị là hoàn toàn chính đáng mặc dù đã được Hội đồng xét xử giải thích về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng chị D cam đoan đủ khả năng và điều kiện để chăm sóc các con không yêu cầu anh A cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên áp dụng Điều 58 Luật Hôn nhân gia đình; giao chị D trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Vinh và cháu Phú. Anh A không phải đóng góp tiền nuôi con chung với chị D là phù hợp.

[2.3] Về chia tài sản và nợ chung: Anh A và chị D trình bày quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại đơn xin xét xử vắng mặt của anh A và tại phiên tòa hôm nay, chị D không có phát sinh thêm yêu cầu gì về vấn đề tài sản chung nên Tòa án không xem xét.

[2.4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Các đương sự phải chịu 300.000 đồng. Anh A, chị D mỗi người phải chịu 150.000 đồng. Tuy nhiên anh A thỏa thuận chịu nộp thay chị Dung tổng cộng số tiền 300.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ: Anh Trần Chính A không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Áp dụng các Điều 51, 53, 55, 57, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Chính A và chị Trương Nguyễn Thùy D.

2. *Về nuôi con chung*: Giao chị Trương Nguyễn Thùy D trực tiếp nuôi 02 con chung là cháu Trần Phúc V, sinh ngày 23/8/2017 và cháu Trần Nam P, sinh ngày 28/10/2019. Anh Trần Chính A không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được ngăn cản người đó thực hiện quyền này.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Các đương sự phải chịu 300.000 đồng. Anh A, chị D mỗi người phải chịu 150.000 đồng. Tuy nhiên anh A thoả thuận chịu nộp thay chị D tổng cộng số tiền 300.000 đồng để sung quỹ Nhà nước. Nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2020/0001911 ngày 06/5/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ: Anh Trần Chính A không phải chịu.

Án xử công khai, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 06/7/2021). Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hạn trong 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND TP Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP Đồng Hới;
- UBND phường Nam Lý;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Phúc Nam

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
(Các Hội thẩm nhân dân)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Xuân Văn

Đặng Thị Thu

Nguyễn Phúc Nam